Hiệp định cụ thể

giữa

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
và
Chính phủ Vương quốc Bỉ

về dự án
"Tiếp cận tín dụng liên kết và các dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh doanh"

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sau đây gọi tắt là "Việt Nam"

và

Chính phủ Vương quốc Bỉ, sau đây gọi tắt là "Vương quốc Bỉ"

Cả hai được gọi tắt là "Các bên",

Căn cứ vào Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế, công nghiệp và kỹ thuật giữa Chính phủ Vương quốc Bỉ và Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghiã Việt Nam, ký kết tại Hà Nội ngày 11 tháng 10 năm 1977;

Căn cứ vào Hiệp định cụ thể về "Tăng cường năng lực thể chế của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong quản lý các chương trình tín dụng và tiết kiệm hỗ trợ phụ nữ nghèo" ký kết tại Hà Nội ngày 9 tháng 12 năm 1996 và trao đổi công hàm gia hạn hiệp định;

Căn cứ vào Hiệp định cụ thể giữa Chính phủ Vương quốc Bỉ và Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về "Xoá nợ nước ngoài cho nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với Vương quốc Bỉ và tài trợ cho các dự án tại Việt Nam", ký kết ngày 7 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ vào Hiệp định cụ thể về "Tăng cường năng lực thể chế của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong quản lý các chương trình tín dụng và tiết kiệm hỗ trợ phụ nữ nghèo nông thôn – giai đoạn 2", ký kết ngày 15 tháng 12 năm 2000 và trao đổi công hàm gia hạn hiệp định đến ngày 31 tháng 12 năm 2006;

Căn cứ vào "Biên bản đã được thông qua tại cuộc họp Uỷ ban hỗn hợp về Hợp tác phát triển giữa Việt Nam và Vương quốc Bỉ" diễn ra ngày 15 tháng 12 năm 2003 tại Hà Nội;

ĐÃ THOẢ THUẬN NHƯ SAU:

Điều 1. Mục tiêu của Hiệp định

Hiệp định cụ thể này quy định những cam kết về mặt thể chế, hành chính và ngân sách được hai bên nhất trí trong việc thực hiện dự án "Tiếp cận tín dụng liên kết và các dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh doanh", sau đây gọi tắt là "dự án".

Mục tiêu tổng thể của dự án là: *Góp phần giảm đói nghèo cho các hộ gia đình ở Việt Nam.*

Mục tiêu cụ thể của dự án là: *Đến cuối năm 2010, ít nhất một trăm nghìn hộ gia đình nghèo làm kinh tế thuộc các tỉnh có hoạt động của dự án ở Việt Nam được tiếp cận các dịch vụ tài chính và/hoặc hỗ trợ phát triển kinh doanh chất lượng cao và đa dạng do các nhà cung cấp dịch vụ liên kết, có khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường, áp dụng các thông lệ tốt cung cấp dịch vụ bền vững.*

Dự án này được miêu tả đầy đủ trong Hồ sơ Kỹ thuật và Tài chính, sau đây gọi tắt là "HSKT&TC", được đính kèm theo đây và là một phần không tách rời của Hiệp định cụ thể này.

Điều 2. Trách nhiệm của các bên

2.1. Việt Nam chỉ định:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát chung việc thực hiện Hiệp định này;
- Bộ Tài chính là cơ quan chịu trách nhiệm đóng góp tài chính cho dự án từ Quỹ Đối ứng;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, sau đây gọi tắt là Hội LHPN, là cơ quan chịu trách nhiệm điều phối việc thực hiện dự án về mặt kỹ thuật.

2.2. Vương quốc Bỉ chỉ định:

- Tổng vụ Hợp tác phát triển trực thuộc Bộ Ngoại giao, Ngoại thương và Hợp tác phát triển Liên bang, sau đây gọi tắt là "DGDC", là cơ quan chịu trách nhiệm đóng góp phần tài chính của phía Bỉ cho dự án; DGDC có đại diện tại Việt Nam là Đại sứ quán Bỉ tại Hà Nội;
- Cơ quan Hợp tác kỹ thuật Bỉ, sau đây gọi tắt là "BTC", là cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi dự án; BTC có đại diện tại Việt Nam là Đại diện thường trú tại Hà Nội.

Điều 3. Chi phí của dự án và các nguồn tài chính

Tổng chi phí của dự án dự kiến là ba triệu chín trăm linh một nghìn bảy trăm ba mươi Euro (3.901.730 Euro).

Vương quốc Bỉ cam kết đóng góp vào dự án, một khoản viện trợ là ba triệu Euro (3.000.000 Euro).

Một khoản đóng góp hai trăm ba mươi nghìn tám trăm sáu mươi tư Euro (230.864 Euro) sẽ được trích từ Quỹ Đối ứng được thành lập từ Hiệp định cụ thể về "Xoá nợ nước ngoài cho nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với Vương quốc Bỉ và tài trợ cho các dự án tại Việt Nam", ký ngày 7 tháng 12 năm 2000.

Việt Nam cam kết đóng góp vào dự án một khoản dự kiến tương đương sáu trăm bảy mươi nghìn tám trăm sáu mươi sáu Euro (670.866 Euro).

Điều 4. Các đóng góp và nghĩa vụ của Việt Nam

Việt Nam sẽ áp dụng tất cả các biện pháp thể chế, hành chính và ngân sách cần thiết để thực hiện đúng dự án như được nêu trong Hiệp định này và HSKT&TC kèm theo. Theo đó Việt Nam sẽ:

- Cho phép tiếp cận các tài liệu cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động của dự án;
- Cho phép Ban Quản lý dự án, sẽ được đề cập đến ở điều 6, sử dụng các tài khoản ngân hàng có thể chuyển đổi cần thiết;
- Miễn trừ thuế hải quan và các loại thuế khác cho tất cả các hàng hoá và thiết bị của dự án;
- Sử dụng các thiết bị mua sắm bằng ngân sách của dự án, bao gồm các phương tiện đi lại, trong phạm vi dự án và đảm bảo việc sử dụng và bảo trì hợp lý các thiết bị đó;
- Dành các quy chế miễn trừ và đặc quyền cho các chuyên gia nước ngoài của dự án như quy định trong Quyết định số 211/1998/QĐ-TTg ban hành ngày 31 tháng 10 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ đối với các chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình và/hoặc dự án viện trợ phát triển chính thức tại Việt Nam;
- Hỗ trợ các chuyên gia quốc tế và gia đình họ (nếu và khi phù hợp) được cấp miễn phí thị thực và những giấy tờ cần thiết khác trong thời gian làm việc tại Việt Nam;

- Miễn trừ cho các chuyên gia quốc tế và gia đình họ việc đóng thuế tại Việt Nam đối với thu nhập từ các hoạt động của dự án, thuế hải quan và các loại thuế khác đối với các đồ dùng cá nhân và phương tiện đi lại với điều kiện là những tài sản này được nhập khẩu trong vòng sáu tháng kể từ khi chuyên gia cùng gia đình đến Việt Nam và phù hợp với Quyết định số 211/1998/QĐ-TTg ban hành ngày 31 tháng 10 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ. Những đồ dùng cá nhân và phương tiện đi lại này có thể được tái xuất hoặc bán miễn thuế cho một người khác có cùng đặc quyền trên. Nếu những tài sản này được bán trên thị trường tự do thì sẽ phải đóng thuế hải quan và các loại thuế khác trên giá trị được đánh giá tại thời điểm bán theo quy định của Việt Nam;
- Cung cấp tất cả các hỗ trợ thông thường cho các chuyên gia quốc tế giúp họ hoàn thành nhiệm vụ thực hiện dự án;
- Với sự nhất trí của Đại diện thường trú Cơ quan Hợp tác kỹ thuật Bỉ, bổ nhiệm một chuyên gia Việt Nam làm Giám đốc và làm việc bán thời gian cho dự án, đồng thời bổ nhiệm một chuyên gia Việt Nam làm Phó Giám đốc và làm việc toàn thời gian cho dự án;
- Cử các cán bộ Việt Nam có năng lực vào các vị trí như được mô tả trong HSKT&TC;
- Trả lương cho các cán bộ dự án người Việt Nam;
- Cung cấp văn phòng làm việc được trang bị đồ đạc và thiết bị phù hợp;
- Đóng góp vào chi phí hoạt động và bảo trì của dự án như được mô tả trong HSKT&TC.

Điều 5. Các đóng góp và nghĩa vụ của Vương quốc Bỉ

Vương quốc Bỉ sẽ đóng góp vào việc thực hiện dự án thông qua cung cấp đầu vào được nêu chi tiết trong HSKT&TC. Theo đó, BTC sẽ:

- Với sự nhất trí của Hội LHPN Việt Nam, tuyển dụng và bổ nhiệm các chuyên gia quốc tế trên cơ sở HSKT&TC;
- Thanh toán lương, bảo hiểm xã hội, chi phí đi lại và nhà ở cho các chuyên gia quốc tế và các thành viên trong gia đình họ (nếu và khi cần thiết);
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn khi cần thiết cho các nhiệm vụ và hoạt động đặc thù và cụ thể của dự án;
- Trả phụ cấp cho các cán bộ người Việt Nam được tuyển dụng cho dự án, thanh toán công tác phí cho các cán bộ dự án, bao gồm tiền ở;
- Cung cấp các thiết bị như dự kiến trong HSKT&TC;
- Thanh toán chi phí cho các chương trình đào tạo;
- Áp dụng định mức theo Hướng dẫn của Liên minh Châu Âu về chi phí địa phương trong Hợp tác phát triển với Việt Nam.

Điều 6. Quản lý, điều hành và giám sát dự án

6.1. Việc quản lý về mặt kỹ thuật, hành chính và tài chính của dự án sẽ được Ban Quản lý dự án thực hiện, do Giám đốc dự án người Việt Nam đứng đầu. Giám đốc dự án và Cố vấn kỹ thuật, do BTC tuyển dụng trong khuôn khổ Hiệp định này, sẽ chịu trách nhiệm giải ngân dự án và cùng xác nhận vào tất cả các chứng từ kế toán của dự án. Thành phần và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án được mô tả cụ thể trong HSKT&TC.

6.2. Ban Chỉ đạo dự án sẽ được thành lập với thành phần, nhiệm vụ, trách nhiệm và cơ cấu tổ chức như được nêu rõ trong HSKT&TC.

6.3. Dự án sẽ được giám sát, đánh giá và tổng kết như được mô tả trong HSKT&TC.

Điều 7. Sở hữu các kết quả dự án; thông tin chung

Tất cả các tài liệu và số liệu thu được từ các hoạt động của dự án là tài sản của cả hai chính phủ và ghi rõ nguồn gốc của cả hai bên.

Mỗi bên sẽ chuyển cho bên kia tất cả các thông tin cần thiết cho việc thực hiện thuận lợi và hiệu quả dự án.

Điều 8. Các loại thuế và thuế nhập khẩu

Khoản đóng góp của Vương quốc Bỉ sẽ không được sử dụng để chi trả cho bất kỳ khoản thuế, thuế hải quan, thuế nhập khẩu hay các phí liên quan đến thuế tại Việt Nam (bao gồm thuế giá trị gia tăng) đối với các hàng hoá và thiết bị, lao động và dịch vụ.

Điều 9. Sử dụng ngân sách có thể còn dư lại của Dự án

9.1. Khi dự án kết thúc, bất kỳ khoản ngân sách nào còn dư lại trong phần đóng góp của Vương quốc Bỉ, thuộc ngân sách do phía Bỉ quản lý hay ngân sách chưa được chuyển sang tài khoản ngân hàng đồng quản lý, sẽ bị huỷ bỏ.

9.2. Hai bên cùng quyết định, trong khuôn khổ Chương trình Hợp tác định hướng Việt Nam – Vương quốc Bỉ, về việc sử dụng phần ngân sách còn lại trong tài khoản ngân hàng đồng quản lý.

Điều 10. Thời hạn, gia hạn, huỷ bỏ, sửa đổi và tranh chấp

10.1. Hiệp định cụ thể này sẽ có hiệu lực từ ngày ký và có hiệu lực trong vòng 48 tháng kể từ ngày Cố vấn kỹ thuật người nước ngoài đến Việt Nam. Ngày này sẽ được xác định bằng thông báo chính thức do BTC gửi cho các cơ quan liên quan được nêu trong điều 2 của Hiệp định này.

10.2. Hiệp định cụ thể này có thể được gia hạn hay sửa đổi thông qua trao đổi công hàm theo đường ngoại giao.

10.3. Hiệp định cụ thể này có thể được chấm dứt hiệu lực bởi một trong các bên thông qua đường ngoại giao và phải được báo trước ba tháng.

10.4. Bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc áp dụng và diễn giải Hiệp định cụ thể này sẽ được giải quyết thông qua đàm phán giữa các bên.

Điều 11. Địa chỉ

Các thông báo liên quan đến Hiệp định này, cụ thể hơn là bất kỳ thông báo nào liên quan đến việc sửa đổi hay diễn giải Hiệp định, sẽ được chuyển qua đường ngoại giao tới các địa chỉ sau:

Phía Việt Nam, gửi về:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2 Hoàng Văn Thụ,
Hà Nội

Phía Bỉ, gửi về:

Đại sứ quán Bỉ
49 Hai Bà Trưng,
Hà Nội

Tất cả các thông báo và thư từ liên quan đến việc thực hiện về mặt kỹ thuật của Hiệp định này được gửi về:

Đại diện thường trú
Cơ quan Hợp tác kỹ thuật Bỉ
Nhà F7, 14 Thuỵ Khuê, quận Tây Hồ,
Hà Nội

Làm tại Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2006, thành hai bản chính, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau. Để làm bằng, các đại diện được uỷ quyền của hai Chính phủ đã ký Hiệp định này.

Thay mặt Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam	Thay mặt Chính phủ Vương quốc Bỉ
Nguyễn Bích Đạt **THỨ TRƯỞNG** **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	**Philippe Jottard** **ĐẠI SỨ VƯƠNG QUỐC BỈ** **tại Việt Nam**

Specific Agreement

between

the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Kingdom of Belgium

concerning the Project "Access to coordinated Credit and Enterprise Support Services"

The Government of the Socialist Republic of Vietnam, hereinafter referred to as "Vietnam",

and

the Government of the Kingdom of Belgium, hereinafter referred to as "Belgium"

hereinafter referred to as "the Parties",

Considering the "Accord Cadre de Coopération Economique, Industrielle et Technique entre le Gouvernement du Royaume de Belgique et le Gouvernement de la République Socialiste du Vietnam" signed in Hanoi on October 11th, 1977;

Considering the Specific Agreement on « Renforcement de la capacité institutionnelle de l'Union des Femmes du Vietnam relative à la gestion de programmes de crédit et d'épargne en faveur des femmes pauvres » signed in Hanoi on December 9th, 1996 and the exchanged letters regarding its extension ;

Considering the Specific Agreement between the Government of the Kingdom of Belgium and the Government of the Socialist Republic of Vietnam concerning "A Debt Relief of the External Debt of the Socialist Republic of Vietnam towards the Kingdom of Belgium and the Financing of projects in Vietnam," signed on December 7th, 2000;

Considering the Specific Agreement on "Strengthening of the Institutional Capacity of the Vietnam Women's Union related to the Management of Savings and Credit Programmes for Rural Poor Women – Phase II", signed on December 15th, 2000 and the exchange of letters regarding its extension up to December 31st, 2006;

Considering the "Agreed Minutes of the Meeting of the Joint Commission on Development Cooperation between Vietnam and Belgium" held in Hanoi on December 15th, 2003;

HAVE AGREED AS FOLLOWS:

Article 1. Object of this Agreement

This Specific Agreement specifies the institutional, administrative and budgetary commitments agreed upon by the Parties with regard to the implementation of the Project **"Access to coordinated Credit and Enterprise Support Services"**, hereinafter referred to as "the Project".

The overall objective of the Project is: *"To contribute to the Reduction of the Incidence of Poverty among Households in Vietnam"*.

The *specific objective* of the Project is: *"By the end of 2010, at least 100.000 economically active poor households in the target provinces of Vietnam have access to high quality and diversified financial and/or business development services provided by coordinated and market-responsive providers following good practices for sustainable service delivery"*.

The Project is fully described in the Technical and Financial File, hereinafter referred to as "the TFF", attached hereto, and being an integral part of this Specific Agreement.

Article 2. Responsibilities of the Parties

2.1. Vietnam designates:

- the Ministry of Planning and Investment as the agency in charge of the overall supervision of the implementation of the present Agreement;
- the Ministry of Finance as the agency responsible for the financial contribution to the Project from the Counter Value Fund;
- the Vietnam Women's Union, hereinafter referred to as VWU, as the coordinating agency for technical implementation of the project.

2.2. Belgium designates:

- the Directorate General for Development Cooperation within the Federal Public Service of Foreign Affairs, Foreign Trade and Development Cooperation, hereinafter referred to as "DGDC", as the agency responsible for the Belgian financial contribution to the Project; DGDC is represented in Vietnam by the Belgian Embassy in Hanoi;
- the Belgian Technical Cooperation, hereinafter referred to as "BTC", as the implementing agency responsible for the implementation and follow up of the Project; BTC is represented in Vietnam by its Resident Representative in Hanoi.

Article 3. Cost of the Project and sources of its funding

The total cost of the Project is estimated at three million nine hundred and one thousand seven hundred and thirty euros (3,901,730.- EUR).

Belgium undertakes to contribute to the Project, with a grant limited at three million euros (3,000,000.- EUR).

An amount of two hundred and thirty thousand euros eight hundred and sixty-four euros (230,864.- EUR) shall be provided by the Counter Value Fund established by virtue of the Specific Agreement concerning "A Debt Relief of the External Debt of the Socialist Republic of Vietnam towards the Kingdom of Belgium and the Financing of projects in Vietnam," signed on December 7th, 2000.

Vietnam undertakes to contribute to the Project with an amount estimated at the equivalent of six hundred and seventy thousand eight hundred and sixty-six euros (670,866.- EUR).

Article 4. Contributions and obligations of Vietnam

Vietnam shall take all institutional, administrative and budgetary measures required for the correct implementation of the Project as specified in this Agreement and its attached TFF. Vietnam shall therefore:

- Give free access to all documentation required for the implementation of the Project's activities;
- Allow the Project Management Unit mentioned in Article 6 to operate convertible bank accounts as deemed necessary;
- Exempt all goods and equipment for the Project from custom duties or any other type of taxation;
- Keep equipment purchased with Project resources, including vehicles, within the Project and assure their proper utilization and maintenance;
- Grant immunities and privileges to the international Project personnel as described in the Prime Minister Decision Nr. 211/1998/QĐ-TTg of 31/10/1998, promulgating the regulation on foreign specialists implementing ODA programs and/or projects in Vietnam;
- Assist the international experts and their families (if and when appropriate) in order to obtain free of charge the necessary visa and any other documents required for their stay in Vietnam;
- Exempt the international experts and their families from taxes in Vietnam on income related to the Project activities and from payment of custom duties and other taxes on their personal effects and vehicle on the condition that it is imported within six months from their arrival and it is in accordance with the Prime Minister Decision nr. 211/1998/QĐ-TTg of 31/10/1998. These personal effects and vehicle can be re-exported or sold, free of duty, to a person with the same privileges. If goods are sold on the open market, duty and other taxes shall be paid on its assessed value at the time of the sale in accordance with Vietnamese regulations;

- Provide all usual assistance to the international experts in order for them to accomplish their tasks relevant to the implementation of the Project;
- Nominate, in agreement with the Resident Representative of BTC, a part-time Vietnamese expert as Project Director and a full-time Vietnamese expert as Vice-Project Director,
- Appoint qualified Vietnamese staff to the positions described in the TFF;
- Bear the salaries of the Vietnamese Project staff;
- Provide adequate office space that is properly furnished and equipped;
- Contribute to the operational and maintenance costs of the Project as described in the TFF.

Article 5. Contributions and obligations of Belgium

Belgium shall contribute to the implementation of the Project by providing the inputs detailed in the TFF. BTC shall therefore:

- Recruit and assign, in agreement with the VWU, the international experts, recruited on the basis of the TFF;
- Bear the salary, the social insurance, the travel expenses and the accommodation for the international experts and their family members (if and when appropriate);
- Provide consultancy services as deemed necessary for specialized and specific tasks and activities of the Project;
- Pay allowances to selected Vietnamese Project Staff, bear the costs for duty travel of the Project staff, including accommodation;
- Provide various kinds of equipment as planned in the TFF;
- Bear the costs of training programs;
- Apply norms stipulated in the EU Guidelines for Financing of Local Cost in Development Cooperation with Vietnam.

Article 6. Management, steering and monitoring of the Project

6.1. The technical, administrative and financial management of the project shall be assumed by the *Project Management Unit*, headed by the Vietnamese Project Director. The Project Director and the Technical Advisor, recruited by BTC in the framework of this Specific Agreement, shall be accountable for the disbursement of the Project's funds and shall jointly certify all Project accounting documents. The composition and responsibilities of the Project Management Unit is further detailed in the TFF.

6.2. A *Project Steering Committee* shall be set up with a composition, mandate, responsibilities and an internal organization as specified in the TFF.

6.3. The Project shall be monitored, evaluated and reviewed as specified in the TFF.

Article 7. Property of the Project's results; mutual information

All documents and data resulting from the activities of the Project are the property of both Governments and shall mention their bilateral origin.

Each Party shall forward to the other Party all information deemed relevant to the smooth and efficient implementation of the Project.

Article 8. Taxes and import duties

No part of the Belgian contribution shall be used to pay any taxes, customs, import duties or other tax-related fees in Vietnam (including VAT) on supplies or equipment, labour and services.

Article 9. Use of a possible budget balance

9.1. Any balance left on the Belgian contribution, concerning non-used funds in own-management or funds not yet transferred to co-managed bank accounts, shall be called off at the end of the Project.

9.2. The Parties shall jointly decide, in the framework of the Belgian-Vietnamese Indicative Cooperation Programme, on the use of any balance left on co-managed bank accounts.

Article 10. Duration, extension, cancellation, modifications and litigation

10.1. This Specific Agreement shall enter into force on the date of signing and shall remain in force until 48 months after the date of arrival in Vietnam of the International Technical Advisor. This date shall be determined through an official notification sent by BTC to the agencies stated in article 2 of this Agreement.

10.2. This Specific Agreement may be extended or modified by Exchange of Letters communicated through diplomatic channels.

10.3. This Specific Agreement may be terminated by each of the Parties, through diplomatic channels, subject to a three month's notice.

10.4. Any dispute relating to the application and interpretation of this Specific Agreement shall be settled by negotiation between the Parties.

Article 11. Addresses

Notifications required by the present Agreement and, more specifically, any such notifications pertaining to its modification or interpretation, shall be handled via diplomatic channels at the following addresses:

For Vietnam to:

The Ministry of Planning and Investment
2 Hoang Van Thu Street
Hanoi

For Belgium to:

Embassy of Belgium,
49 Hai Ba Trung Street
Hanoi

All notifications and correspondence related to the technical implementation of this Agreement shall be addressed to:

The BTC Resident Representative
C/o Belgian Technical Co-operation
Apartment F7, N°14 Thuy Khue Street, Tay Ho District
Hanoi

Done in Hanoi, 20/12/2006, in duplicate, each in Vietnamese and English, all texts being equally authentic. In witness whereof, the undersigned being duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Agreement.

For the Government of the Socialist Republic of Vietnam	For the Government of the Kingdom of Belgium
Nguyen Bich Dat **VICE-MINISTER** **Ministry of Planning and Investment**	**Philippe Jottard** **AMBASSADOR OF BELGIUM** **in Vietnam**